

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4889/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Thanh Giàu
- Bà Đặng Thị Thu Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1395/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7295/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7923/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: số B ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số D H, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hà Hoàng H, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú: số B ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số D H, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 xin vắng mặt, ông Hà Hoàng H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 trình bày:

Bà và ông Hà Hoàng H có tìm hiểu nhau, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 6 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố

Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống một thời gian, đến năm 2012 thì chuyển về địa chỉ: 4 H, phường L, thành phố T sinh sống ổn định đến nay. Cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách, về tiền bạc và tình cảm vợ chồng. Bà Đ1 nhiều lần cho ông H cơ hội nhưng ông H đều không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay, bà Đ1 và ông H đã ly thân dù vẫn sống chung nhà. Nay bà Đ1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Hoàng H.

Về con chung: Bà Đ1 xác nhận bà và ông H có 02 người con chung tên Hà Ngọc H1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1992 và Hà Minh H2, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1997 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Đ1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Đức T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Hà Hoàng H đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Hà Hoàng H trình bày: Ông xác nhận về quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà Đ1 đã trình bày là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, ông không đến Tòa án theo các giấy triệu tập vì ông luôn hi vọng bà Đ1 sẽ suy nghĩ lại và cho ông thêm một cơ hội. Tuy nhiên, nay ông xác định vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1. Về tài sản chung: Ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông H trình bày không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 được ly hôn với ông Hà Hoàng H; Về con chung: có 02 người con

chung tên Hà Ngọc H1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1992 và Hà Minh H2, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1997 đều đã trưởng thành; Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung: không có; Về án phí: Bà Đ1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hà Hoàng H, ông H có nơi cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ1.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 và ông Hà Hoàng H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 6 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171.TH, quyển số 1/1992 nên hôn nhân giữa bà Đ1 và ông H là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Đ1, cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách, tiền bạc và tình cảm vợ chồng. Hiện nay, ông bà đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ1 yêu cầu được ly hôn với ông H.

Tại phiên tòa, ông H xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn và xác định vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 đối với ông Hà Hoàng H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Hà Ngọc H1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1992 và Hà Minh H2, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1997 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Đ1, ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà Đ1, ông H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 được ly hôn với ông Hà Hoàng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 171.TH, quyền số 1/1992, đăng ký ngày 24 tháng 6 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Hà Ngọc H1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1992 và Hà Minh H2, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1997 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Đ1 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0027365 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ1 đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên